



GIẤY ĐỀ NGHỊ

Mã số: BM-HC-03-00

Ngày hiệu lực: 04/9/2015

V/v Chi tiền khen thưởng cho cá nhân và tập thể đã có thành tích học tập tốt trong Học kỳ 2 và cả năm học: 2017 - 2018

Kính gửi: Thầy Hiệu trưởng

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ

1. Chi khen thưởng cho Cá nhân có thành tích học tập và rèn luyện tốt trong học kỳ 2, và cả năm học: 2017 – 2018

- Xuất sắc(Học kỳ 2) : $200,000\text{đ}/\text{sv} \times 150\text{sv} = 30,000,000$ đồng
- Xuất sắc(Cả năm) : $300,000\text{đ}/\text{sv} \times 94\text{sv} = 28,200,000$ đồng

2. Chi khen thưởng cho tập thể có thành tích học tập và rèn luyện tốt trong học kỳ 2, năm học 2018 - 2019:

- Tập thể Xuất sắc(Học kỳ 2): $1,000,000\text{đ}/\text{tập thể} \times 4 \text{ tập thể} = 4,000,000$ đồng
- Tập thể Tiên tiến(Học kỳ 2): $500,000\text{đ}/\text{tập thể} \times 2 \text{ tập thể} = 1,000,000$ đồng
- Tập thể Tiên tiến(Cả năm): $1,000,000\text{đ}/\text{tập thể} \times 3 \text{ tập thể} = 3,000,000$ đồng

3. Chi In ép giấy khen: $4.500\text{đ}/\text{tờ} \times 1,814 \text{ tờ} = 8,163,000$ đồng

4. Chi mua khung giấy khen: $23,000\text{đ}/\text{khung} \times 252\text{khung} = 5,796,000$ đồng

TỔNG CHI: 80,159,000 đồng

(Bằng chữ: Tám mươi triệu một trăm năm mươi chín ngàn đồng)

***Ghi chú: Khoản chi này được trích ra từ tổng nguồn kinh phí dự chi học bổng, khen thưởng của học kỳ 2 năm học 2017 - 2018**

Kính đề nghị thầy Hiệu trưởng xét duyệt

Xin chân thành cảm ơn

HIỆU TRƯỞNG

Vĩnh Long, ngày 12 tháng 10 năm 2018

TRƯỞNG PHÒNG

Phùng Thế Tuấn

Số: 554/QĐ-ĐHSPKTVL-CTHSSV

Vĩnh Long, ngày 08 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Học bổng và Trợ cấp xã hội cho sinh viên học kỳ 2 năm học 2017 - 2018

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH LONG

Căn cứ Quyết định số 1785/QĐ-BLĐT BXH, ngày 21/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc “Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long”;

Căn cứ Thông tư số 53/1998/TT-LT/BGDĐT-BTC-BLĐT BXH ngày 25/8/1998 của Liên bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập. Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐT BXH ngày 03/08/2009 của liên Bộ về việc sửa đổi, bổ sung khoản 4 mục I phần II của Thông tư liên tịch số 53/1998/TT-LT/BGDĐT-BTC-BLĐT BXH ngày 25/8/1998 của Liên bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Quyết định số 239/1999/QĐ-TTG ngày 28/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung, sửa đổi khoản A điều 1 của Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTG ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên của các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15/08/2007 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xét cấp học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 31/2013/TT-BGDĐT ngày 01/8/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi bổ sung khoản 3 điều 2 Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15/08/2007 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Hướng dẫn số 26/HD-ĐHSPKTVL-CTHSSV ngày 26/12/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long Hướng dẫn về việc xét cấp học bổng khuyến khích học tập cho học sinh sinh viên hệ chính quy và vừa làm vừa học;

Căn cứ biên bản của Hội đồng xét Rèn luyện, Học bổng và Trợ cấp xã hội cho HSSV học kỳ 2 năm học 2017 – 2018 họp vào ngày 03/10/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay cấp học bổng khuyến khích học tập cho **309** sinh viên đạt thành tích học tập và rèn luyện Khá, Giỏi, Xuất sắc trong học kỳ 2 năm học 2017 – 2018 (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Nay cấp trợ cấp xã hội học kỳ 2 năm học 2017 – 2018 cho **38** sinh viên thuộc diện hộ nghèo, mỗi cô, người dân tộc ở vùng cao (Có danh sách kèm theo).

Điều 3. Trưởng phòng Công tác HSSV, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Kế toán – Tài vụ, Trưởng các Phòng, Khoa liên quan và sinh viên có tên trong danh sách kèm theo ở điều 1, điều 2 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu Phòng CTHSSV.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Cao Hùng Phi

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG HSSV ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

Năm học: 2017 - 2018

TT	LỚP	KẾT QUẢ XẾP LOẠI CHUNG			CỘNG	GHI CHÚ
		KHÁ	GIỎI	XUẤT SẮC		
1	ĐH.CNKTOTO 2014		30	5	35	<u>K39ĐH: 421</u>
2	ĐH.CNCTM 2014		6	2	8	XS: 10(2,38%)
3	ĐH.CNKT Đ-ĐT 2014		18	1	19	G: 99(23,52%)
4	ĐH.CNTT 2014		15		15	
5	ĐH.CNTP 2014		22	2	24	
6	ĐH.CNKTCK 2014		8		8	
7	ĐH.CNKTOTO 2015		46	7	53	<u>K40ĐH: 759</u>
8	ĐH.CNCTM 2015		1		1	XS: 25(3,29%)
9	ĐH.CNKTĐĐT 2015		24	5	29	G: 149(19,63%)
10	ĐH.CNTT 2015		4	2	6	
11	ĐH.CNTP 2015		32	3	35	
12	ĐH.CNKTCDT 2015		8	4	12	
13	ĐH.CNKTĐK&TĐH 2015		12	3	15	
14	ĐH.CNKTCK 2015		22	1	23	
15	CĐ.CNKTĐĐT 2015		11		11	<u>K40 CĐ:280</u>
16	CĐ.CNTT 2015		6	1	7	XS: 7(2,50%)
17	CĐ.CNTP 2015		8	1	9	G: 80(28,57%)
18	CĐ.CNKTCK 2015		7		7	
19	CĐ.CNKTOTO 2015		28	5	33	
20	CĐ.CNKTCDT 2015		5		5	
21	CĐ.ĐCN 2015		12		12	
22	CĐ.KTML&ĐHKK 2015		3		3	
23	ĐH.CNKTOTO 2016		20	3	23	<u>K41ĐH: 912</u>
24	ĐH.CNCTM 2016		3		3	XS: 19(2,08%)
25	ĐH.CNKTĐĐT 2016		20	6	26	G: 164(17,98%)
26	ĐH.CNTT 2016		13		13	
27	ĐH.CNTP 2016		41	5	46	
28	ĐH.CNKTCDT 2016		2		2	
29	ĐH.CNKTĐK&TĐH 2016		9	1	10	
30	ĐH.CNKTCK 2016		21	1	22	
31	ĐH.TY 2016		20	1	21	
32	ĐH.CTXH 2016		15	2	17	
33	CĐ.CNKTOTO 2016		14	3	17	<u>K41 CĐ: 329</u>
34	CĐ.CNKTĐĐT 2016		4	1	5	XS:15(4,56%)
35	CĐ.CNTT 2016		1		1	G: 38(11,85%)
36	CĐ.CNTP 2016		5	1	6	
37	CĐ.CNKTCK 2016		2		2	

38	CĐ.TY 2016		9	7	16	
39	CĐ.CNKTCĐT 2016		1		1	
40	CĐ.ĐCN 2016		2	2	4	
41	CĐ.KTML&ĐHKK 2016		1	1	2	
42	ĐH.CNKTTTT 2017-1		24	2	26	K42 ĐH: 1444
43	ĐH.CNKTTTT 2017-2		20		20	XS: 16(1,11%)
44	ĐH.CNCTM 2017		2		2	G: 163(11,29%)
45	ĐH.CNKTTTT 2017-1		9	4	13	
46	ĐH.CNKTTTT 2017-2		8		8	
47	ĐH.CNTT 2017-1		11	2	13	
48	ĐH.CNTT 2017-2		7	4	11	
49	ĐH.CNTP 2017-1		15		15	
50	ĐH.CNTP 2017-2		11		11	
51	ĐH.CNKTCĐT 2017		12	1	13	
52	ĐH.CNKTTĐK&TĐH 2017		4		4	
53	ĐH.CNKTCCK 2017-1		5	1	6	
54	ĐH.CNKTCCK 2017-2		9		9	
55	ĐH.TY 2017-1		5		5	
56	ĐH.TY 2017-2		3		3	
57	ĐH.CTXH 2017		7	1	8	
58	ĐH.CNKTTGT 2017				0	
59	ĐH.CNKTN 2017		1		1	
60	ĐH.CNSH 2017		12	1	13	
61	CĐ.CNKTTTT 2017-1		1		1	K42 CĐ: 315
62	CĐ.CNKTTTT 2017-2		6	1	7	XS: 1(0,32%)
63	CĐ.KTML&ĐHKK 2017				0	G: 8(2,54%)
64	CĐ.CNKTTTT 2017				0	
65	CĐ.CNTT 2017				0	
66	CĐ.CNKTCCK 2017				0	
67	CĐ.TY 2017		1		1	
TỔNG CỘNG		0	704	93	797	

Tổng số SV toàn trường:	4460	chiếm tỷ lệ	100%
<i>Giỏi:</i>	704	"	15,78%
<i>Xuất sắc:</i>	93	"	2,09%

QUỸ HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP **Học kỳ 2 Năm học: 2017 – 2018**

Tổng quỹ học bổng học kỳ 2 năm học 2017 – 2018 : 800,000,000đồng

- Dự kiến chi khen thưởng: 95,000,000 đồng
- Dự kiến chi học bổng và Trợ cấp xã hội: 705,000,000 đồng

I/- ƯỚC TÍNH QUỸ HỌC BỔNG CẤP CHO TỪNG KHOA:

STT	Khoa	Số lượng SV	Tỷ lệ SV	Số tiền quỹ cấp theo khoa (Đvt: đồng)
1	Cơ khí động lực	1133	25,40%	179.095.291
2	Cơ khí chế tạo máy	796	17,85%	125.825.112
3	Điện - Điện tử	811	18,18%	128.196.188
4	Công nghệ thông tin	496	11,12%	78.403.587
5	Công nghệ thực phẩm	1129	25,31%	178.463.004
6	Sư phạm	95	2,13%	15.016.816
Tổng cộng		4460	100%	705,000,000 đồng

II/- QUỸ HỌC BỔNG HK I THỰC CẤP THEO KHOA:

1. Khoa Cơ khí Động lực:

Stt	Khóa	Trợ cấp xã hội		Học bổng Xuất sắc		Học bổng Giỏi		Học bổng Khá		Tổng tiền	Ghi chú
		SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền		
1	39 DH	0	0	3	7.200.000	2	4.500.000	0	0	11.700.000	
2	40 DH	3	1.800.000	12	28.800.000	1	2.250.000	0	0	32.850.000	
3	40 CD	0	0	5	10.000.000	3	5.550.000	0	0	15.550.000	
4	41 DH	0	0	4	9.600.000	10	22.500.000	0	0	32.100.000	
5	41 CD	1	600.000	3	6.000.000	7	12.950.000	0	0	19.550.000	
6	42 DH	0	0	6	14.400.000	8	18.000.000	1	2.100.000	34.500.000	
7	42 CD	1	600.000	2	4.000.000	15	27.750.000	0	0	32.350.000	
Tổng cộng		5	3.000.000	35	80.000.000	46	93.500.000	1	2.100.000	178.600.000	

2. Khoa Cơ khí chế tạo máy:

Stt	Khóa	Trợ cấp xã hội		Học bổng Xuất sắc		Học bổng Giỏi		Học bổng Khá		Tổng tiền	Ghi chú
		SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền		
1	39 DH	0	0	2	4.800.000	2	4.500.000	0	0	9.300.000	
2	40 DH	0	0	5	12.000.000	6	13.500.000	1	2.100.000	27.600.000	
3	40 CD	0	0	0	0	3	5.550.000	0	0	5.550.000	
4	41 DH	1	600.000	3	7.200.000	7	15.750.000	0	0	23.550.000	
5	41 CD	0	0	0	0	4	7.400.000	0	0	7.400.000	
6	42 DH	3	1.800.000	3	7.200.000	18	40.500.000	1	2.100.000	51.600.000	
7	42 CD	1	600.000	0	0	0	0	2	3.400.000	4.000.000	
Tổng cộng		5	3.000.000	13	31.200.000	39	84.950.000	4	7.600.000	129.000.000	

3. Khoa Điện – Điện tử:

Stt	Khóa	Trợ cấp xã hội		Học bổng Xuất sắc		Học bổng Giỏi		Học bổng Khá		Tổng tiền	Ghi chú
		SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền		
1	39 DH	0	0	3	7.200.000	4	9.000.000	0	0	16.200.000	
2	40 DH	3	1.800.000	9	21.600.000	3	6.750.000	0	0	30.150.000	
3	40 CD	0	0	4	8.000.000	1	1.850.000	0	0	9.850.000	
4	41 DH	1	600.000	7	16.800.000	0	0	0	0	17.400.000	
5	41 CD	0	0	5	10.000.000	1	1.850.000	0	0	11.850.000	
6	42 DH	4	2.400.000	6	14.400.000	10	22.500.000	0	0	39.300.000	
7	42 CD	1	600.000	0	0	0	0	2	3.400.000	4.000.000	
Tổng cộng		9	5.400.000	34	78.000.000	19	41.950.000	2	3.400.000	128.750.000	

4. Khoa Công nghệ thông tin:

Stt	Khóa	Trợ cấp xã hội		Học bổng Xuất sắc		Học bổng Giỏi		Học bổng Khá		Tổng tiền	Ghi chú
		SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền		
1	39 DH	1	600.000	1	2.400.000	4	9.000.000	0	0	12.000.000	
2	40 DH	1	600.000	3	7.200.000	2	4.500.000	0	0	12.300.000	
3	40 CD	0	0	2	4.000.000	0	0	0	0	4.000.000	
4	41 DH	1	600.000	1	2.400.000	5	11.250.000	0	0	14.250.000	
5	41 CD	0	0	0	0	2	3.700.000	0	0	3.700.000	
6	42 DH	2	1.200.000	3	7.200.000	9	20.250.000	0	0	28.650.000	
7	42 CD	0	0	0	0	0	0	2	3.400.000	3.400.000	
Tổng cộng		5	3.000.000	10	23.200.000	22	48.700.000	2	3.400.000	78.300.000	

5. Khoa Công nghệ thực phẩm:

Stt	Khóa	Trợ cấp xã hội		Học bổng Xuất sắc		Học bổng Giỏi		Học bổng Khá		Tổng tiền	Ghi chú
		SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền		
1	39 DH	0	0	3	7.200.000	4	9.000.000	0	0	16.200.000	
2	40 DH	4	2.400.000	5	12.000.000	6	13.500.000	0	0	27.900.000	
3	40 CD	0	0	0	0	2	3.700.000	0	0	3.700.000	
4	41 DH	1	600.000	11	26.400.000	12	27.000.000	0	0	54.000.000	
5	41 CD	0	0	6	12.000.000	0	0	0	0	12.000.000	
6	42 DH	9	5.400.000	13	31.200.000	12	27.000.000	0	0	63.600.000	
7	42 CD	0	0	0	0	1	1.850.000	0	0	1.850.000	
Tổng cộng		14	8.400.000	38	88.800.000	37	82.050.000	0	0	179.250.000	

6. Khoa Sư phạm:

Stt	Khóa	Trợ cấp xã hội		Học bổng Xuất sắc		Học bổng Giỏi		Học bổng Khá		Tổng tiền	Ghi chú
		SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền		
1	41 DH	0	0	3	7.200.000	0	0	0	0	7.200.000	
2	42 DH	0	0	3	7.200.000	0	0	0	0	7.200.000	
Tổng cộng		0	0	6	14.400.000	0	0	0	0	14.400.000	

Khoa	Quý ước tính	Thực tế	Chênh lệch
1. Cơ khí động lực	179.095.291	178.600.000	495.291
2. Cơ khí chế tạo máy	125.825.112	126.750.000	-924.888
3. Điện - Điện tử	128.196.188	128.750.000	-553.812
4. Công nghệ thông tin	78.403.587	78.300.000	103.587
5. Công nghệ thực phẩm	178.463.004	179.250.000	-786.996
6. Sư phạm	15.016.816	14.400.000	616.816
Tổng cộng	705,000,000 đồng	706.050.000 đồng	-1.050.002 đồng

***Ghi chú:**

- Quỹ học bổng được tính dựa trên tỷ lệ SV của từng Khoa chuyên môn hoặc từng lớp chia cho tổng số SV của toàn trường hoặc tổng số SV của từng khoa
- Mức tính trợ cấp xã hội cho SV thuộc diện Hộ nghèo, Mò côi HK 2 năm học 2017-2018 = 100.000đồng/tháng x 6 tháng

BẢNG CHIẾT TÍNH QUỸ HỌC BỔNG HỌC KỲ 2 NĂM HỌC: 2017 - 2018

- Tổng nguồn quỹ cấp cho học kỳ 2 năm học 2017 - 2018 : 800,000,000 đồng
- Dự kiến chi Khen thưởng : 95,000,000 đồng
- Dự kiến chi Học bổng và Trợ cấp xã hội: 705,000,000 đồng(B)

STT	KHOA/LỚP	Số lượng SV theo Khoa/ Lớp	Tỷ lệ SV theo Khoa/ lớp	Số tiền quỹ tính Khoa/Lớp (Đvt: đồng)	Chi trợ cấp xã hội	Số tiền quỹ ước tính	Số tiền quỹ thực cấp	Chênh lệch	Khóa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)*(B)	(6)	(7)=(5)-(6)	(8)	(9)=(7)-(8)	(10)
1.Khoa Cơ khí động lực									
1	DH.CNKTTOTO 2014	83	7,33%	13.119.955		13.119.955	11.700.000	1.419.955	39DH
2	DH.CNKTTOTO 2015	189	16,68%	29.875.560	1.800.000	28.075.560	31.050.000	-2.974.440	40DH
3	DH.CNKTTOTO 2016	212	18,71%	33.511.211		33.511.211	32.100.000	1.411.211	41DH
4	DH.CNKTTOTO 2017	205	18,09%	32.404.708		32.404.708	32.400.000	4.708	42DH
5	DH.CNKTTGT 2017	14	1,24%	2.213.004		2.213.004	2.100.000	113.004	42DH
6	CD.CNKTTOTO 2015	103	9,09%	16.281.390		16.281.390	15.550.000	731.390	40CD
7	CD.CNKTTOTO 2016	121	10,68%	19.126.682	600.000	18.526.682	18.950.000	-423.318	41CD
8	CD.CNKTTOTO 2017	206	18,18%	32.562.780	600.000	31.962.780	31.750.000	212.780	42CD
2. Khoa Cơ khí chế tạo máy									
1	DH.CNCTM 2014	26	3,27%	4.109.865		4.109.865	4.800.000	-690.135	39DH
2	DH.CNKTKK 2014	27	3,39%	4.267.937		4.267.937	4.500.000	-232.063	39DH

STT	KHOA/LỚP	Số lượng SV theo Khoa/Lớp	Tỷ lệ SV theo Khoa/lớp	Số tiền quỹ tính Khoa/Lớp (Dvt: đồng)	Chi trợ cấp xã hội	Số tiền quỹ ước tính	Số tiền quỹ thực cấp	Chênh lệch	Khóa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)*(B)	(6)	(7)=(5)-(6)	(8)	(9)=(7)-(8)	(10)
3	DH.CNKCTM 2015	31	3,89%	4.900.224		4.900.224	4.350.000	550.224	40DH
4	DH.CNKTCBT 2015	25	3,14%	3.951.794		3.951.794	9.600.000	-5.648.206	40DH
5	DH.CNKTCCK 2015	94	11,81%	14.858.744		14.858.744	13.650.000	1.208.744	40DH
6	DH.CNKCTM 2016	19	2,39%	3.003.363		3.003.363	2.400.000	603.363	41DH
7	DH.CNKTCBT 2016	27	3,39%	4.267.937	600.000	3.667.937	2.400.000	1.267.937	41DH
8	DH.CNKTCCK 2016	94	11,81%	14.858.744		14.858.744	18.150.000	-3.291.256	41DH
9	DH.CNKCTM 2017	34	4,27%	5.374.439		5.374.439	4.350.000	1.024.439	42DH
10	DH.CNKTCBT 2017	67	8,42%	10.590.807	600.000	9.990.807	9.150.000	840.807	42DH
11	DH.CNKTCCK 2017	237	29,77%	37.463.004	1.200.000	36.263.004	36.300.000	-36.996	42DH
12	CD.CNKTCBT 2015	13	1,63%	2.054.933		2.054.933	1.850.000	204.933	40CD
13	CD.CNKTCCK 2015	29	3,64%	4.584.081		4.584.081	3.700.000	884.081	40CD
14	CD.CNKTCBT 2016	11	1,38%	1.738.789		1.738.789	1.850.000	-111.211	41CD
15	CD.CNKTCCK 2016	33	4,15%	5.216.368		5.216.368	5.550.000	-333.632	41CD
16	CD.CNKTCCK 2017	29	3,64%	4.584.081	600.000	3.984.081	3.400.000	584.081	42CD
3. Khoa Điện - Điện tử		811	18,18%	128.196.188	5.400.000	122.796.188	123.350.000	-553.812	
1	DH.CNKTCBT 2014	105	12,95%	16.597.534		16.597.534	16.200.000	397.534	39DH
2	DH.CNKTCBT 2015	153	18,87%	24.184.978	1.200.000	22.984.978	21.150.000	1.834.978	40DH
3	DH.CNKTCCK&TDH 2015	29	3,58%	4.584.081	600.000	3.984.081	7.200.000	-3.215.919	40DH
4	DH.CNKTCBT 2016	73	9,00%	11.539.238		11.539.238	12.000.000	-460.762	41DH
5	DH.CNKTCCK&TDH 2016	26	3,21%	4.109.865	600.000	3.509.865	4.800.000	-1.290.135	41DH

STT	KHOA/LỚP	Số lượng SV theo Khoa/Lớp	Tỷ lệ SV theo Khoa/lớp	Số tiền quỹ tính Khoa/Lớp (Đvt: đồng)	Chi trợ cấp xã hội	Số tiền quỹ ước tính	Số tiền quỹ thực cấp	Chênh lệch	Khóa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)*(B)	(6)	(7)=(5)-(6)	(8)	(9)=(7)-(8)	(10)
6	DH.CNKTBĐT 2017	168	20,72%	26.556.054	1.800.000	24.756.054	25.650.000	-893.946	42BH
7	DH.CNKTBĐK&TDH 2017	50	6,17%	7.903.587		7.903.587	9.000.000	-1.096.413	42BH
8	DH.CNKTN 2017	24	2,96%	3.793.722	600.000	3.193.722	2.250.000	943.722	42BH
9	CD.CNKTBĐT 2015	30	3,70%	4.742.152		4.742.152	4.000.000	742.152	40CB
10	CD.DCN 2015	30	3,70%	4.742.152		4.742.152	3.850.000	892.152	40CB
11	CD.KTML&DHKK 2015	17	2,10%	2.687.220		2.687.220	2.000.000	687.220	40CB
12	CD.CNKTBĐT 2016	21	2,59%	3.319.507		3.319.507	2.000.000	1.319.507	41CB
13	CD.DCN 2016	21	2,59%	3.319.507		3.319.507	6.000.000	-2.680.493	41CB
14	CD.KTML&DHKK 2016	28	3,45%	4.426.009		4.426.009	3.850.000	576.009	41CB
15	CD.CNKTBĐT 2017	17	2,10%	2.687.220		2.687.220	1.700.000	987.220	42CB
16	CD.KTML&DHKK 2017	19	2,34%	3.003.363	600.000	2.403.363	1.700.000	703.363	42CB
4.Khoa Công nghệ thông tin		496	11,12%	78.403.587	3.000.000	75.403.587	75.300.000	103.587	
1	DH.CNTT 2014	71	14,31%	11.223.094	600.000	10.623.094	11.400.000	-776.906	39DH
2	DH.CNTT 2015	75	15,12%	11.855.381	600.000	11.255.381	11.700.000	-444.619	40DH
3	DH.CNTT 2016	89	17,94%	14.068.386	600.000	13.468.386	13.650.000	-181.614	41DH
4	DH.CNTT 2017	179	36,09%	28.294.843	1.200.000	27.094.843	27.450.000	-355.157	42DH
5	CD.CNTT 2015	34	6,85%	5.374.439		5.374.439	4.000.000	1.374.439	40CB
6	CD.CNTT 2016	21	4,23%	3.319.507		3.319.507	3.700.000	-380.493	41CB
7	CD.CNTT 2017	27	5,44%	4.267.937		4.267.937	3.400.000	867.937	42CB
5.Khoa Công nghệ thực phẩm		1129	25,31%	178.463.004	8.400.000	170.063.004	170.850.000	-786.996	

STT	KHOA/LỚP	Số lượng SV theo Khoa/Lớp	Tỷ lệ SV theo Khoa/lớp	Số tiền quỹ tính Khoa/Lớp (Đvt: đồng)	Chi trợ cấp xã hội	Số tiền quỹ ước tính	Số tiền quỹ thực cấp	Chênh lệch	Khóa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)*(B)	(6)	(7)=(5)-(6)	(8)	(9)=(7)-(8)	(10)
1	DH.CNTP 2014	109	9,65%	17.229.821		17.229.821	16.200.000	1.029.821	39DH
2	DH.CNTP 2015	162	14,35%	25.607.623	2.400.000	23.207.623	25.500.000	-2.292.377	40DH
3	DH.CNTP 2016	176	15,59%	27.820.628	600.000	27.220.628	28.350.000	-1.129.372	41DH
4	DH.TY 2016	146	12,93%	23.078.475		23.078.475	25.050.000	-1.971.525	41DH
5	DH.CNTP 2017	230	20,37%	36.356.502	2.400.000	33.956.502	33.300.000	656.502	42DH
7	DH.TY 2017	156	13,82%	24.659.193	3.000.000	21.659.193	20.250.000	1.409.193	42DH
9	DH.CNSH 2017	35	3,10%	5.532.511		5.532.511	4.650.000	882.511	42DH
10	CD.CNTP 2015	24	2,13%	3.793.722		3.793.722	3.700.000	93.722	40CD
11	CD.CNTP 2016	26	2,30%	4.109.865		4.109.865	4.000.000	109.865	41CD
12	CD.TY 2016	47	4,16%	7.429.372		7.429.372	8.000.000	-570.628	41CD
13	CD.TY 2017	18	1,59%	2.845.291		2.845.291	1.850.000	995.291	42CD
6.Khoa Sư phạm		95	2,13%	15.016.816	0	15.016.816	14.400.000	616.816	
1	DH.CTXH 2016	50	52,63%	7.903.587		7.903.587	7.200.000	703.587	41DH
2	DH.CTXH 2017	45	47,37%	7.113.229		7.113.229	7.200.000	-86.771	42DH
Tổng cộng		4460	100%	705.000.000	22.800.000	682.200.000	685.500.000	-3.300.002	

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VĨNH LONG

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 41 ĐẠI HỌC
ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP**

HỌC KỲ II - NĂM HỌC: 2017 - 2018

(Kèm theo quyết định số 554/QĐ-CT HSSV ngày 08 tháng 10 năm 2018)

TT	Mssv	Họ và tên	Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Học bổng (Đvt: đồng/tháng)	Ghi chú
1. Lớp: ĐH.CNKTOTO 2016							
1	16001196	Phạm Ngọc Tuyết Trinh	Xuất sắc	3,84	Xuất sắc	480.000	
2	16001187	Trần Thị Mỹ Tiên	Xuất sắc	3,81	Xuất sắc	480.000	
3	16001159	Bùi Anh Tài	Xuất sắc	3,71	Xuất sắc	480.000	
4	16001209	Võ Trung Vi	Xuất sắc	3,60	Xuất sắc	480.000	
5	16001009	Nguyễn Thới Bình	Tốt	3,93	Giỏi	450.000	
6	16001191	Dương Việt Toàn	Tốt	3,92	Giỏi	450.000	
7	16001029	Trương Huỳnh Đức	Tốt	3,88	Giỏi	450.000	
8	16001189	Lê Bội Tiên	Tốt	3,83	Giỏi	450.000	
9	16001148	Võ Trung Quân	Tốt	3,79	Giỏi	450.000	
10	16001206	Nguyễn Duy Tường	Tốt	3,78	Giỏi	450.000	
11	16001174	Võ Văn Thạnh	Tốt	3,76	Giỏi	450.000	
12	16001032	Bùi Trường Duy	Tốt	3,76	Giỏi	450.000	
13	16001172	Châu Thuận Thành	Tốt	3,72	Giỏi	450.000	
14	16001084	Lê Tân Khoa	Tốt	3,70	Giỏi	450.000	
2. ĐH. CNCTM 2016							
15	16002008	Nguyễn Quảng Kha	Xuất sắc	3,68	Xuất sắc	480.000	
3. ĐH.CNKTĐĐT 2016							
16	16003024	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	480.000	
17	16003012	Lê Thị Hồng Diễm	Xuất sắc	3,90	Xuất sắc	480.000	
18	16003032	Phạm Thành Khởi	Xuất sắc	3,90	Xuất sắc	480.000	
19	16003062	Nguyễn Thị Huyền Trân	Xuất sắc	3,89	Xuất sắc	480.000	
20	16003065	Nguyễn Nhật Trường	Xuất sắc	3,82	Xuất sắc	480.000	

TT	Mssv	Họ và tên	Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Học bổng (Đvt: đồng/tháng)	Ghi chú
----	------	-----------	-----------------	----------------------	---------------	-------------------------------	---------

4. ĐH.CNTT 2016

21	16004042	Nguyễn Châu Hải My	Xuất sắc	3,62	Xuất sắc	480.000	
22	16004050	Nguyễn Hữu Nguyên	Xuất sắc	3,54	Giỏi	450.000	
23	16004019	Võ Hoài Hận	Tốt	3,53	Giỏi	450.000	
24	16004054	Nguyễn Thanh Nhân	Tốt	3,52	Giỏi	450.000	
25	16004018	Thái Hân	Tốt	3,50	Giỏi	450.000	
26	16004076	Huỳnh Văn Thông	Tốt	3,48	Giỏi	450.000	

5. ĐH.CNTP 2016

27	16005117	Nguyễn Thủy Hoàn	Thiên	Xuất sắc	3,83	Xuất sắc	480.000	
28	16005169	Trần Tiểu Yên	Yến	Xuất sắc	3,80	Xuất sắc	480.000	
29	16005013	Đặng Ngọc Chăm	Chăm	Xuất sắc	3,70	Xuất sắc	480.000	
30	16005051	Hồ Thị Diệu Linh	Linh	Xuất sắc	3,70	Xuất sắc	480.000	
31	16005159	Lê Trần Vi	Vi	Xuất sắc	3,70	Xuất sắc	480.000	
32	16005140	Phan Ngọc Huyền Trang	Trang	Xuất sắc	3,66	Xuất sắc	480.000	
33	16005028	Lý Ngọc Hân	Hân	Xuất sắc	3,65	Xuất sắc	480.000	
34	16005166	Đặng Ngọc Ý	Ý	Xuất sắc	3,63	Xuất sắc	480.000	
35	16005088	Nguyễn Dương Phụng	Phụng	Xuất sắc	3,60	Xuất sắc	480.000	
36	16005003	Bùi Thị Mỹ Anh	Anh	Tốt	3,77	Giỏi	450.000	
37	16005147	Đoàn Minh Trường	Trường	Tốt	3,75	Giỏi	450.000	
38	16005171	Phạm Thị Nhan Anh	Anh	Tốt	3,75	Giỏi	450.000	

6. ĐH.CNKTCĐT 2016

39	16006024	Nguyễn Văn Trọng	Trọng	Xuất sắc	3,77	Xuất sắc	480.000	
----	----------	------------------	-------	----------	------	----------	---------	--

7. ĐH.CNKTDK&TĐH 2016

40	16007012	Nguyễn Tuấn Kiệt	Kiệt	Xuất sắc	3,79	Xuất sắc	480.000	
41	16007013	Nguyễn Tấn Lành	Lành	Xuất sắc	3,63	Xuất sắc	480.000	

8. ĐH.CNKTCCK 2016

42	16008113	Lê Thị Kim Tuyết	Tuyết	Xuất sắc	3,82	Xuất sắc	480.000	
43	16008036	Nguyễn Đắc Lam	Lam	Tốt	3,80	Giỏi	450.000	
44	16008029	Nguyễn Quang Khải	Khải	Tốt	3,68	Giỏi	450.000	
45	16008099	Phạm Vũ Khang	Khang	Tốt	3,67	Giỏi	450.000	
46	16008028	Trịnh Minh Kha	Kha	Tốt	3,66	Giỏi	450.000	
47	16008071	Lê Thị Cẩm Thi	Thi	Tốt	3,61	Giỏi	450.000	

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Học bổng (Đvt: đồng/tháng)	Ghi chú
47	16008019	Võ Quang	Hiếu	Tốt	3,65	Giỏi	450.000	
48	16008040	Nguyễn Tấn	Lộc	Tốt	3,59	Giỏi	450.000	

9. ĐH.TY 2016

49	16010109	Nguyễn Thị Cẩm	Thơ	Xuất sắc	3,85	Xuất sắc	480.000	
50	16010024	Lê Thị Huỳnh	Giao	Xuất sắc	3,83	Xuất sắc	480.000	
51	16010113	Thái Minh	Tiến	Tốt	4,00	Giỏi	450.000	
52	16010090	Từ Hoàng	Phương	Tốt	3,95	Giỏi	450.000	
53	16010098	Lê Diễm	Sương	Tốt	3,92	Giỏi	450.000	
54	16010088	Ngô Thị Cẩm	Nhung	Tốt	3,87	Giỏi	450.000	
55	16010152	Nguyễn Văn	Mến	Tốt	3,87	Giỏi	450.000	
56	16010079	Nguyễn Thị Bé	Nhi	Tốt	3,86	Giỏi	450.000	
57	16010072	Hồ Thị Cẩm	Ngọc	Tốt	3,85	Giỏi	450.000	
58	16010102	Trương Nhựt	Tân	Tốt	3,85	Giỏi	450.000	
59	16010110	Trần Chí	Thuật	Tốt	3,85	Giỏi	450.000	

10. ĐH.CTXH 2016

60	16011048	Bùi Thị Kim	Yến	Xuất sắc	3,72	Xuất sắc	480.000	
61	16011007	Lê Đình Thành	Đạt	Xuất sắc	3,72	Xuất sắc	480.000	
62	16011005	Huỳnh Thị Ngọc	Bích	Xuất sắc	3,63	Xuất sắc	480.000	

Vĩnh Long, Ngày 08 tháng 10 năm 2018 *Amu*

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS.Cao Hùng Phi

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VINH LONG

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 40 ĐẠI HỌC
ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP**

HỌC KỲ II - NĂM HỌC: 2017 - 2018

(Kèm theo quyết định số 554/QĐ-CT HSSV ngày 08 tháng 10 năm 2018)

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Học bổng (Đvt: đồng/tháng)	Ghi chú
1. Lớp: ĐH.CNKTOTO 2015								
1	15001172	Đào Duy	Thịnh	Xuất sắc	3,98	Xuất sắc	480.000	
2	15001206	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Xuất sắc	3,95	Xuất sắc	480.000	
3	15001205	Đặng Thị Cẩm	Tú	Xuất sắc	3,93	Xuất sắc	480.000	
4	15001155	Nguyễn Hoài	Tâm	Xuất sắc	3,90	Xuất sắc	480.000	
5	15001132	Lê Minh	Phú	Xuất sắc	3,88	Xuất sắc	480.000	
6	15001109	Tạ Hữu	Nghĩa	Xuất sắc	3,86	Xuất sắc	480.000	
7	15001108	Lê Phan Ngọc	Ngân	Xuất sắc	3,82	Xuất sắc	480.000	
8	15001067	Mai Khắc	Huy	Xuất sắc	3,81	Xuất sắc	480.000	
9	15001177	Huỳnh Minh	Thoại	Xuất sắc	3,78	Xuất sắc	480.000	
10	15001087	Phan Chương Anh	Khôi	Xuất sắc	3,71	Xuất sắc	480.000	
11	15001076	Đỗ An	Khang	Xuất sắc	3,61	Xuất sắc	480.000	
12	15001160	Nguyễn Minh	Tấn	Xuất sắc	3,60	Xuất sắc	480.000	
13	15001075	Hồ Văn	Khan	Tốt	3,94	Giỏi	450.000	
2. ĐH. CNCTM 2015								
14	15002007	Phan Trường	Duy	Tốt	3,35	Giỏi	450.000	
15	15002018	Lê Hữu	Nghĩa	Khá	3,16	Khá	420.000	
3. ĐH.CNKTDĐT 2015								
16	15003030	Nguyễn Tiếng	Đạt	Xuất sắc	3,95	Xuất sắc	480.000	

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Học bổng (Đvt: đồng/tháng)	Ghi chú
17	15003139	Đỗ Trung	Thành	Xuất sắc	3,68	Xuất sắc	480.000	
18	15003020	Trần Đức	Duy	Xuất sắc	3,67	Xuất sắc	480.000	
19	15003131	Lê Minh	Tân	Xuất sắc	3,60	Xuất sắc	480.000	
20	15003134	Nguyễn Quốc	Thái	Xuất sắc	3,60	Xuất sắc	480.000	
21	15003081	Trần Thành	Luân	Xuất sắc	3,60	Xuất sắc	480.000	
22	15003105	Võ Thanh	Phong	Tốt	3,89	Giỏi	450.000	
23	15003127	Phạm Minh	Tài	Tốt	3,83	Giỏi	450.000	
24	15003144	Bạch Phú	Thiên	Tốt	3,82	Giỏi	450.000	

4. ĐH.CNTT 2015

25	15004131	Trần Thị Kim	Ngân	Xuất sắc	3,93	Xuất sắc	480.000	
26	15004103	Trần Quốc	Thịnh	Xuất sắc	3,88	Xuất sắc	480.000	
27	15004039	Phạm Hoàng	Khang	Xuất sắc	3,77	Xuất sắc	480.000	
28	15004001	Trần Bình	An	Tốt	3,50	Giỏi	450.000	
29	15004079	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	Tốt	3,38	Giỏi	450.000	

5. ĐH.CNTP 2015

30	15005081	Lê Thị Bích	Ngọc	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	480.000	
31	15005186	Trương Phan Tường	Vy	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	480.000	
32	15005164	Giáp Phạm Ngọc	Trâm	Xuất sắc	3,88	Xuất sắc	480.000	
33	15005163	Hà Minh Nguyễn Phước	Tịnh	Xuất sắc	3,88	Xuất sắc	480.000	
34	15005146	Nguyễn Thị Anh	Thư	Xuất sắc	3,65	Xuất sắc	480.000	
35	15005009	Nguyễn Thị Khánh	Băng	Tốt	4,00	Giỏi	450.000	
36	15005123	Phan Thị Ê	Ric	Tốt	4,00	Giỏi	450.000	
37	15005139	Nguyễn Thị Kim	Thoa	Tốt	3,88	Giỏi	450.000	
38	15005101	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	Tốt	3,88	Giỏi	450.000	
39	15005150	Huỳnh Hoài	Thương	Tốt	3,88	Giỏi	450.000	

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Học bổng (Đvt: đồng/tháng)	Ghi chú
40	15005136	Nguyễn Thị Huyền	Thi	Tốt	3,88	Giỏi	450.000	
6. ĐH.CNKTCĐT 2015								
41	15006009	Nguyễn Quang	Huy	Xuất sắc	3,84	Xuất sắc	480.000	
42	15006026	Trần Thanh	Trường	Xuất sắc	3,84	Xuất sắc	480.000	
43	15006010	Trần Tuấn	Kha	Xuất sắc	3,84	Xuất sắc	480.000	
44	15006028	Nguyễn Thanh	Tuấn	Xuất sắc	3,79	Xuất sắc	480.000	
7. ĐH.CNKTDK&TĐH 2015								
45	15007028	Trần Thị Thùy	Trang	Xuất sắc	3,83	Xuất sắc	480.000	
46	15007002	Hồ Mỹ	Ảnh	Xuất sắc	3,65	Xuất sắc	480.000	
47	15007038	Trương Hiên	Vinh	Xuất sắc	3,60	Xuất sắc	480.000	
8. ĐH.CNKTCCK 2015								
48	15008057	Nguyễn Thành	Phát	Xuất sắc	3,67	Xuất sắc	480.000	
49	15008029	Nguyễn Dương	Hiếu	Tốt	3,73	Giỏi	450.000	
50	15008021	Nguyễn Ngọc	Hải	Tốt	3,64	Giỏi	450.000	
51	15008041	Nguyễn Tấn	Kiệt	Tốt	3,60	Giỏi	450.000	
52	15008068	Nguyễn Tấn	Sang	Tốt	3,55	Giỏi	450.000	
53	15008107	Nguyễn Huân	Vũ	Tốt	3,53	Giỏi	450.000	

Vĩnh Long, Ngày 08 tháng 10 năm 2018 *Am*

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS.Cao Hùng Phi

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VĨNH LONG

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 40 CAO ĐẲNG
ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP**

HỌC KỲ II - NĂM HỌC: 2017 - 2018

(Kèm theo quyết định số 553/QĐ-CT HSSV ngày 08 tháng 10 năm 2018)

TT	Mssv	Họ và tên	Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Học bổng (Đvt: đồng/tháng)	Ghi chú
1. CĐ.CNKTOTO 2015							
1	15120155	Phan Như Ý	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	400.000	
2	15120060	Nguyễn Tấn Lộc	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	400.000	
3	15120084	Lê Thành Phát	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	400.000	
4	15120100	Đinh Thành Sang	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	400.000	
5	15120163	Trần Hoàng Phước	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	400.000	
6	15120018	Trần Quốc Cường	Tốt	4,00	Giỏi	370.000	
7	15120156	Nguyễn Chí Phải	Tốt	4,00	Giỏi	370.000	
8	15120122	Phan Hữu Thọ	Tốt	4,00	Giỏi	370.000	
2. CĐ.CNKTĐBĐT 2015							
9	15103012	Huỳnh Trí Hiếu	Xuất sắc	3,70	Xuất sắc	400.000	
10	15103024	Trần Tuyết Mai	Xuất sắc	3,70	Xuất sắc	400.000	
3. CĐ.CNTT 2015							
11	15104055	Nguyễn Vĩnh Thiện	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	400.000	
12	15104084	Võ Xuân Vinh	Xuất sắc	3,85	Xuất sắc	400.000	
4. CĐ.CNTP 2015							
13	15105020	Trần Ngọc Liên	Tốt	3,65	Giỏi	370.000	
14	15105010	Lê Thị Thùy Dương	Tốt	3,59	Giỏi	370.000	

TT	Mssv	Họ và tên	Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Học bổng (Đvt: đồng/tháng)	Ghi chú
5. CĐ.CNKTCĐT 2015							
15	15124020	Vũ Lưu Phúc Duy	Tốt	3,83	Giỏi	370.000	
6. CĐ.CNKTCCK 2015							
16	15108003	Nguyễn Chí Cường	Tốt	3,36	Giỏi	370.000	
17	15108009	Phan Trung Hậu	Tốt	3,32	Giỏi	370.000	
7. CĐ.ĐCN 2015							
18	15126032	Phan Nhựt Tân	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	400.000	
19	15126036	Lương Hải Triều	Tốt	4,00	Giỏi	370.000	
8. CĐ.KTML&ĐHKK 2015							
20	15127027	Phạm Minh Thy	Xuất sắc	3,69	Xuất sắc	400.000	

Vĩnh Long, Ngày 08 tháng 10 năm 2018 *Am*

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS.Cao Hùng Phi

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VINH LONG

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 41 CAO ĐẲNG
ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP**

HỌC KỲ II - NĂM HỌC: 2017 - 2018

(Kèm theo quyết định số 55/QĐ-CT HSSV ngày 08 tháng 10 năm 2018)

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Học bổng (Đvt: đồng/tháng)	Ghi chú
1. CĐ.CNKTOTO 2016								
1	16101165	Nguyễn Nhựt	Duy	Xuất sắc	3,76	Xuất sắc	400.000	
2	16101047	Nguyễn Quốc	Khanh	Xuất sắc	3,64	Xuất sắc	400.000	
3	16101054	Dương Phụng	Kiều	Xuất sắc	3,64	Xuất sắc	400.000	
4	16101169	Lê Tấn	Phát	Tốt	3,57	Giỏi	370.000	
5	16101131	Nguyễn Thanh	Tiếp	Tốt	3,55	Giỏi	370.000	
6	16101113	Nguyễn Phạm Thành	Tâm	Tốt	3,50	Giỏi	370.000	
7	16101106	Đỗ Thái	Sơn	Tốt	3,45	Giỏi	370.000	
8	16101035	Bùi Thị Tố	Hào	Tốt	3,43	Giỏi	370.000	
9	16101046	Nguyễn Công	Khanh	Tốt	3,40	Giỏi	370.000	
10	16101103	Nguyễn Thành	Quý	Tốt	3,38	Giỏi	370.000	
2. CĐ.CNKTĐĐT 2016								
11	16103029	Bùi Văn Tiến	Đạt	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	400.000	
3. CĐ.CNTT 2016								
12	16104024	Nguyễn Phú	Quý	Xuất sắc	3,30	Giỏi	370.000	
13	16104036	Tổng Minh	Tiến	Tốt	3,30	Giỏi	370.000	
4. CĐ.CNTP 2016								
14	16105029	Trần Thị Như	Thủy	Xuất sắc	3,88	Xuất sắc	400.000	
15	16105043	Lê Hồng	Ngọc	Xuất sắc	3,70	Xuất sắc	400.000	
5. CĐ.CNKTCĐT 2016								
16	16124007	Võ Thanh	Sang	Tốt	3,33	Giỏi	370.000	

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Học bổng (Đvt: đồng/tháng)	Ghi chú
6. CĐ.CNKTCCK 2016								
17	16108012	Phạm Lưu Minh	Khang	Tốt	3,32	Giỏi	370.000	
18	16108036	Trần Thanh	Vũ	Tốt	3,25	Giỏi	370.000	
19	16108013	Nguyễn Đăng	Khoa	Xuất sắc	3,20	Giỏi	370.000	
7. CĐ.ĐCN 2016								
20	16126007	La Minh	Hiếu	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	400.000	
21	16126006	Nguyễn Minh	Hiếu	Xuất sắc	3,78	Xuất sắc	400.000	
22	16126013	Trần Quốc	Kiệt	Xuất sắc	3,69	Xuất sắc	400.000	
8. CĐ.KTML&ĐHKK 2016								
23	16127015	Đặng Thanh	Lượng	Xuất sắc	3,88	Xuất sắc	400.000	
24	16127017	Mai Hữu	Nghĩa	Tốt	3,25	Giỏi	370.000	
9. CĐ.TY 2016								
25	16110006	Ngô Khánh	Duy	Xuất sắc	3,95	Xuất sắc	400.000	
26	16110018	Nguyễn Hoài	Nam	Xuất sắc	3,95	Xuất sắc	400.000	
27	16110033	Nguyễn Thị Mai	Thi	Xuất sắc	3,87	Xuất sắc	400.000	
28	16110015	Lữ Minh	Luân	Xuất sắc	3,76	Xuất sắc	400.000	

Vĩnh Long, Ngày 08 tháng 10 năm 2018 

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS.Cao Hùng Phi

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 42 ĐẠI HỌC
ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP**

HỌC KỲ II - NĂM HỌC: 2017 - 2018

(Kèm theo quyết định số 554/QĐ-CT HSSV ngày 08 tháng 10 năm 2018)

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Học bổng (Đvt: đồng/tháng)	Ghi chú
1. ĐH.CNKTOTO 2017								
1	17001089	Nguyễn Nhật	Linh	Xuất sắc	3,93	Xuất sắc	480,000	
2	17001092	Quách Khánh	Linh	Xuất sắc	3,90	Xuất sắc	480,000	
3	17001040	Đặng Phát	Đạt	Xuất sắc	3,70	Xuất sắc	480,000	
4	17001108	Lê Hoàng	Minh	Xuất sắc	3,67	Xuất sắc	480,000	
5	17001053	Nguyễn Nhựt	Duy	Xuất sắc	3,67	Xuất sắc	480,000	
6	17001133	Trương Thị Hồng	Nhung	Xuất sắc	3,63	Xuất sắc	480,000	
7	17001217	Lê Thanh	Tuấn	Tốt	3,90	Giỏi	450,000	
8	17001234	Trình Chí	Vĩnh	Tốt	3,86	Giỏi	450,000	
9	17001012	Lê Trung	Bảo	Tốt	3,80	Giỏi	450,000	
10	17001035	Đỗ Thành	Danh	Tốt	3,74	Giỏi	450,000	
11	17001006	Dương Nguyễn Tuấn	Anh	Tốt	3,72	Giỏi	450,000	
12	17001202	Nguyễn Thanh	Toàn	Tốt	3,71	Giỏi	450,000	
13	17001227	Nguyễn Văn	Vinh	Tốt	3,69	Giỏi	450,000	
14	17001041	Lê Thành	Đạt	Tốt	3,67	Giỏi	450,000	
2. ĐH.CNCTM 2017								
15	17002035	Trần Hoài	Thương	Tốt	3,73	Giỏi	450.000	

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Học bổng (Đvt: đồng/tháng)	Ghi chú
16	17002011	Hà Quang	Khâm	Tốt	2,60	Khá	420.000	

3. ĐH.CNKTĐĐT 2017

17	17003196	Trương Thị Châu	Úc	Xuất sắc	3,95	Xuất sắc	480,000	
18	17003080	Nguyễn Quốc	Khánh	Xuất sắc	3,81	Xuất sắc	480,000	
19	17003157	Nguyễn Minh	Tân	Xuất sắc	3,79	Xuất sắc	480,000	
20	17003103	Phạm Thế	Mạnh	Xuất sắc	3,71	Xuất sắc	480,000	
21	17003123	Lê Hồng	Phong	Xuất sắc	3,67	Xuất sắc	480,000	
22	17003091	Lê Thị Thúy	Kiều	Xuất sắc	3,62	Xuất sắc	480,000	
23	17003180	Nguyễn Thành	Trạng	Tốt	4,00	Giỏi	450,000	
24	17003197	Bùi Quốc	Văn	Tốt	3,86	Giỏi	450,000	
25	17003087	Nguyễn Anh	Khoa	Tốt	3,81	Giỏi	450,000	
26	17003043	Phạm Văn	Êm	Tốt	3,81	Giỏi	450,000	
27	17003052	Nguyễn Phúc	Hậu	Tốt	3,79	Giỏi	450,000	

4. ĐH.CNTT 2017

28	17004212	Nguyễn Thành Thanh	Trung	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	480,000	
29	17004225	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Xuất sắc	3,90	Xuất sắc	480,000	
30	17004204	Hà Thị Đoan	Trang	Xuất sắc	3,60	Xuất sắc	480,000	
31	17004150	Nguyễn Ngọc Hoàng	Quyên	Tốt	3,83	Giỏi	450,000	
32	17004111	Trần Thị Kim	Ngân	Tốt	3,79	Giỏi	450,000	
33	17004058	Nguyễn Hồng Phước	Hào	Tốt	3,76	Giỏi	450,000	
34	17004031	Huỳnh Thị Bé	Diệu	Tốt	3,67	Giỏi	450,000	
35	17004214	Trần Minh	Trường	Tốt	3,67	Giỏi	450,000	
36	17004102	Phạm Bảo	Minh	Tốt	3,62	Giỏi	450,000	
37	17004112	Trần Thị Diễm	Ngân	Tốt	3,55	Giỏi	450,000	

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Học bổng (Đvt: đồng/tháng)	Ghi chú
38	17004028	Nguyễn Thành	Đạt	Tốt	3,43	Giỏi	450,000	
39	17004202	Phạm Thị Ngọc	Trang	Tốt	3,43	Giỏi	450,000	

5. ĐH.CNTP 2017

40	17005195	Võ Thị Cẩm	Thu	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	480,000	
41	17005171	Phạm Thị Kim	Quyên	Xuất sắc	3,91	Xuất sắc	480,000	
42	17005014	Huỳnh Thị Thúy	Anh	Xuất sắc	3,90	Xuất sắc	480,000	
43	17005160	Phạm Thị Thắm	Phương	Xuất sắc	3,89	Xuất sắc	480,000	
44	17005030	Phạm Thị Trúc	Đào	Xuất sắc	3,88	Xuất sắc	480,000	
45	17005224	Trần Thị Huyền	Trang	Xuất sắc	3,85	Xuất sắc	480,000	
46	17005225	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	Xuất sắc	3,85	Xuất sắc	480,000	
47	17005170	Phạm Thảo	Quyên	Xuất sắc	3,84	Xuất sắc	480,000	
48	17005016	Nguyễn Thái	Bảo	Xuất sắc	3,82	Xuất sắc	480,000	
49	17005097	Mai Thị Thùy	Linh	Xuất sắc	3,80	Xuất sắc	480,000	
50	17005065	Nguyễn Gia	Hoàng	Xuất sắc	3,70	Xuất sắc	480,000	
51	17005193	Trịnh Văn	Thi	Xuất sắc	3,60	Xuất sắc	480,000	
52	17005056	Võ Ngọc Bảo	Hân	Tốt	3,95	Giỏi	450,000	
53	17005134	Nguyễn Thị Uyên	Nhi	Tốt	3,84	Giỏi	450,000	

6. ĐH.CNKTCĐT 2017

54	17006071	Lê Mỹ	Trang	Xuất sắc	3,85	Xuất sắc	480.000	
55	17006064	Võ Minh	Thoại	Tốt	3,91	Giỏi	450.000	
56	17006056	Nguyễn Thanh	Sang	Tốt	3,86	Giỏi	450.000	
57	17006069	Cao Nguyễn Hữu	Toàn	Tốt	3,86	Giỏi	450.000	

7. ĐH.CNKTDK&TĐH 2017

58	17007059	Phạm Lê Ngọc	Yến	Tốt	3,89	Giỏi	450.000	
----	----------	--------------	-----	-----	------	------	---------	--

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Học bổng (Đvt: đồng/tháng)	Ghi chú
59	17007033	Trần Phú	Quý	Tốt	3,63	Giỏi	450.000	
60	17007036	Trương Tấn	Sang	Tốt	3,58	Giỏi	450.000	
61	17007030	Bạch Thái	Nhân	Tốt	3,58	Giỏi	450.000	

8. ĐH. CNKTCK 2017

62	17008045	Nguyễn Hoàng	Duy	Xuất sắc	3,68	Xuất sắc	480,000	
63	17008057	Quách Trường	Giang	Xuất sắc	3,66	Xuất sắc	480,000	
64	17008251	Trần Lê Sĩ	Tú	Tốt	3,60	Giỏi	450,000	
65	17008149	Bạch	Nhân	Tốt	3,55	Giỏi	450,000	
66	17008032	Trần Văn	Điểm	Tốt	3,53	Giỏi	450,000	
67	17008068	Nguyễn Thái	Hiền	Tốt	3,53	Giỏi	450,000	
68	17008259	Nguyễn Quang	Vĩ	Tốt	3,45	Giỏi	450,000	
69	17008265	Nguyễn Thế	Vinh	Tốt	3,45	Giỏi	450,000	
70	17008234	Nguyễn Khắc	Triệu	Tốt	3,43	Giỏi	450,000	
71	17008143	Lê Vũ Khánh	Nguyên	Tốt	3,39	Giỏi	450,000	
72	17008015	Phạm Văn	Chi	Tốt	3,37	Giỏi	450,000	
73	17008258	Trương Khánh	Văn	Tốt	3,35	Giỏi	450,000	
74	17008091	Huỳnh Duy	Khang	Tốt	3,32	Giỏi	450,000	
75	17008166	Nguyễn Hoài	Phong	Tốt	3,30	Giỏi	450,000	
76	17008080	Huỳnh Phát	Huy	Tốt	3,29	Giỏi	450,000	
77	17008148	Võ Tài	Nhân	Tốt	3,28	Giỏi	450,000	

9. ĐH.TY 2017

78	17010059	Võ Duy	Khang	Tốt	3,83	Giỏi	450,000	
79	17010092	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Tốt	3,61	Giỏi	450,000	
80	17010165	Huỳnh Nhựt	Trường	Tốt	3,53	Giỏi	450,000	

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Học bổng (Đvt: đồng/tháng)	Ghi chú
81	17010127	Trần Chí	Tâm	Tốt	3,42	Giỏi	450,000	
82	17010105	Trần Thị	Nhung	Tốt	3,36	Giỏi	450,000	
83	17010049	Thái Thị Cẩm	Hương	Tốt	3,33	Giỏi	450,000	
84	17010179	Nguyễn Lê Kim	Xuyến	Tốt	3,31	Giỏi	450,000	
85	17010180	Lê Thu	Xuyến	Tốt	3,31	Giỏi	450,000	
86	17010037	Trần Ngọc	Hải	Tốt	3,22	Giỏi	450,000	
10. ĐH.CTXH 2017								
87	17011019	Trịnh Ngọc Mai	Khanh	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	480.000	
88	17011005	Nguyễn Thị Quế	Chi	Xuất sắc	3,73	Xuất sắc	480.000	
89	17011047	Nguyễn Lan	Tường	Xuất sắc	3,67	Xuất sắc	480.000	
11. ĐH.CNKTGT 2017								
90	17012001	Trần Văn	Bằng	Khá	2,57	Khá	420.000	
12. ĐH.CNKTN 2017								
91	17013017	Võ Minh	Nhí	Tốt	3,26	Giỏi	450.000	
13. ĐH.CNSH 2017								
92	17014041	Thiều Lý Thúy	Uyên	Xuất sắc	3,81	Xuất sắc	480.000	
93	17014029	Lê Thị Mỹ	Phương	Tốt	4,00	Giỏi	450.000	

Vĩnh Long, Ngày 08 tháng 10 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS.Cao Hùng Phi

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VINH LONG

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 42 CAO ĐẲNG
ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP**

HỌC KỲ II - NĂM HỌC: 2017 - 2018

(Kèm theo quyết định số 554/QĐ-CT HSSV ngày tháng 10 năm 2018)

TT	Mssv	Họ và tên	Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Học bổng (Đvt: đồng/tháng)	Ghi chú
1. CĐ.CNKTOTO 2017							
1	17101027	Dương Thạch Thành Đạt	Xuất sắc	3,81	Xuất sắc	400,000	
2	17101171	Huỳnh Minh Quý	Xuất sắc	3,69	Xuất sắc	400,000	
3	17101210	Nguyễn Trịnh Minh Thuận	Tốt	3,76	Giỏi	370,000	
4	17101256	Lê Bành Tráng	Tốt	3,63	Giỏi	370,000	
5	17101221	Đỗ Văn Toàn	Tốt	3,62	Giỏi	370,000	
6	17101258	Lê Nguyễn Al-Fa	Tốt	3,60	Giỏi	370,000	
7	17101167	Lâm Thị Kiều Phương	Tốt	3,55	Giỏi	370,000	
8	17101166	Trần Thanh Phước	Tốt	3,55	Giỏi	370,000	
9	17101060	Nguyễn Văn Hiệu	Xuất sắc	3,50	Giỏi	370,000	
10	17101157	Nguyễn Hoài Phong	Tốt	3,48	Giỏi	370,000	
11	17101132	Đặng Văn Nghĩa	Tốt	3,45	Giỏi	370,000	
12	17101191	Lâm Ngọc Thắm	Tốt	3,40	Giỏi	370,000	
13	17101049	Phạm Thế Duy	Tốt	3,38	Giỏi	370,000	
14	17101217	Phan Chí Toàn	Tốt	3,38	Giỏi	370,000	
15	17101198	Nguyễn Tấn Thành	Tốt	3,31	Giỏi	370,000	

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Học bổng (Đvt: đồng/tháng)	Ghi chú
16	17101241	Nguyễn Hoàng	Tuấn	Tốt	3,24	Giỏi	370,000	
17	17101213	Bùi Thị Mỹ	Tiến	Tốt	3,21	Giỏi	370,000	
3. CĐ.CNKTĐĐT 2017								
18	17103006	Võ Phương	Nam	Tốt	2,92	Khá	340.000	
4. CĐ.CNTT 2017								
19	17104018	Võ Phước	Lợi	Khá	3,57	Khá	340.000	
20	17104019	Lại Trần Ngọc	Oanh	Khá	3,03	Khá	340.000	
5. CĐ.CNKTCK 2017								
21	17108032	Bùi Hữu	Thịnh	Khá	3,07	Khá	340.000	
22	17108035	Nguyễn Minh	Tiến	Khá	3,07	Khá	340.000	
6. CĐ.KTML&ĐHKK 2017								
23	17127022	Nguyễn Thanh	Thắng	Tốt	3,10	Khá	340.000	
7. CĐ.TY 2017								
24	17110009	Văn Công Nhựt	Linh	Tốt	3,61	Giỏi	370,000	

Vĩnh Long, Ngày 08 tháng 10 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS.Cao Hùng Phi

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VINH LONG

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 39 ĐẠI HỌC
ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP**

HỌC KỲ II - NĂM HỌC: 2017 - 2018

(Kèm theo quyết định số 554/QĐ-CT HSSV ngày 08 tháng 10 năm 2018)

TT	Mssv	Họ và tên		Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Học bổng (Đvt: đồng/tháng)	Ghi chú
1. ĐH.CNKTTOTO 2014								
1	14001060	Nguyễn Đỗ Hoài	Phong	Xuất sắc	3,81	Xuất sắc	480.000	
2	14001043	Tô Ngọc	Luật	Xuất sắc	3,75	Xuất sắc	480.000	
3	14001089	Nguyễn Hữu	Tiến	Xuất sắc	3,75	Xuất sắc	480.000	
4	14001092	Hồ Thanh	Tín	Tốt	3,81	Giỏi	450.000	
5	14001113	Nguyễn Thanh	Huy	Tốt	3,81	Giỏi	450.000	
2. ĐH.CNCTM 2014								
6	14002023	Trần Lương	Phú	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	480.000	
7	14002025	Trần Lương	Quý	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	480.000	
3. ĐH.CNKTTĐĐT 2014								
8	14003021	Trần Văn	Diễn	Xuất sắc	3,77	Xuất sắc	480.000	
9	14003061	Phan Ngọc	Phu	Xuất sắc	3,70	Xuất sắc	480.000	
10	14003044	Lê Hoàng	Long	Xuất sắc	3,63	Xuất sắc	480.000	
11	14003023	Bạch Ngọc	Đức	Tốt	3,83	Giỏi	450.000	
12	14003063	Nguyễn Hữu	Phú	Tốt	3,79	Giỏi	450.000	
13	14003082	Trương Minh	Tâm	Tốt	3,78	Giỏi	450.000	
14	14003042	Nguyễn Phước	Lộc	Tốt	3,75	Giỏi	450.000	
4. ĐH.CNTT 2014								
15	14004095	Nguyễn Tấn	Toàn	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	480.000	

TT	Mssv	Họ và tên	Xếp loại RL2	Điểm TBCHT HK2	Loại chung	Học bổng (Đvt: đồng/tháng)	Ghi chú
16	14004037	Nguyễn Ngọc Yến Linh	Tốt	4,00	Giỏi	450.000	
17	14004044	Ngô Thanh Lý	Tốt	4,00	Giỏi	450.000	
18	14004097	Nguyễn Ngọc Phương Trang	Tốt	4,00	Giỏi	450.000	
19	14004099	Trần Phan An Trường	Tốt	4,00	Giỏi	450.000	

5. ĐH.CNTP 2014

20	14005131	Đỗ Thị Như Ý	Xuất sắc	4,00	Xuất sắc	480.000	
21	14005093	Lê Thị Hồng Thắm	Xuất sắc	3,92	Xuất sắc	480.000	
22	14005077	Nguyễn Thị Huỳnh Như	Xuất sắc	3,86	Xuất sắc	480.000	
23	14005089	Nguyễn Thị Kim Quyên	Tốt	3,86	Giỏi	450.000	
24	14005029	Nguyễn Quốc Hào	Tốt	3,83	Giỏi	450.000	
25	14005133	Đặng Phi Yến	Tốt	3,83	Giỏi	450.000	
26	14005074	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	Tốt	3,78	Giỏi	450.000	

6. ĐH.CNKTCK 2014

27	14008005	Lê Minh Cường	Tốt	3,73	Giỏi	450.000	
28	14008032	Nguyễn Ngọc Nhân	Tốt	3,45	Giỏi	450.000	

Vĩnh Long, Ngày 08 tháng 10 năm 2018 *Amur*

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS.Cao Hùng Phi